

Bản án số 203/2020/HC-PT
Ngày 23-7-2020
V/v: khiếu kiện
hành vi hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Nguyễn Phương Hạnh;
ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 241/2020/TLPT-HC ngày 30 tháng 3 năm 2020 về khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 01/2020/HC-ST ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4980/2020/QĐ-PT ngày 02-7-2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Xuân H sinh năm 1962; trú tại: xóm t (nay là thôn Đ), xã X, huyện Y, tỉnh Z, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: ông Lê Văn Hn - Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Văn, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Z và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Z.

- ***Người đại diện hợp pháp:*** bà Phạm Thị Hp - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Người đại diện hợp pháp: ông Đinh Văn Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, vắng mặt.

- Bà Phạm Thị C sinh năm 1964. Bà C ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tóm tắt như sau:

Hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H được Ủy ban nhân dân (UBND) xã X giao diện tích đất 7.020 m² làm trang trại mô hình V.A.C tại xứ V, xã X, huyện Y theo Hợp đồng kinh tế ngày 15-4-1997. Ngày 11-3-2010, UBND xã X thanh lý Hợp đồng giao đất làm trang trại mô hình V.A.C đối với ông H, đồng thời lập biên bản giao đất thực hiện mô hình chuyển đổi dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi vùng ruộng trũng cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H với diện tích 7.020 m². Theo trích đo hiện trạng thửa đất bị thu hồi thì diện tích đất ông H sử dụng tại tờ số 14, thửa số 7, với tổng diện tích 8.572 m² đất.

Theo ông H xác định trong tổng số 8.572 m² đất trang trại của gia đình bị thu hồi có: 4.464 m² của 14 hộ dân có tranh chấp với gia đình; hiện ông H đã khởi kiện ở vụ án khác; 972 m² gia đình ông đã thỏa thuận được với người có đất; còn lại 3.136 m² trong đó có 1.584 m² đất không tranh chấp và diện tích 1.552 m² đất ông H sử dụng nhiều hơn so với hợp đồng giao thầu khoán, nhưng UBND huyện Y thu hồi không bồi thường cho gia đình ông H là trái pháp luật. Việc thu hồi đất của UBND huyện Y là không đủ căn cứ pháp lý, không đúng mục đích, không đúng trình tự, thủ tục và không giao cho gia đình ông các Quyết định là không đảm bảo quyền lợi của gia đình.

Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu giải quyết: tuyên hành vi thu hồi đất nhưng không bồi thường, hỗ trợ về đất của UBND huyện Y đối với 3.136 m² cho gia đình ông H là trái pháp luật; tuyên hành vi cưỡng chế thu hồi đất nhưng không giao cho gia đình ông quyết định thu hồi đất, phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Chủ tịch UBND huyện Y là trái pháp luật; buộc UBND huyện Y bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi là 3.136 m² với đơn giá 165.000 đồng/m², tổng số tiền 517.440.000 đồng. Đồng thời, buộc Chủ tịch UBND huyện Y giao cho hộ gia ông H các quyết định thu hồi đất, phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Quan điểm của UBND, Chủ tịch UBND huyện Y xác định: theo hồ sơ địa chính năm 1994 và kê khai của xóm xác lập, ông Nguyễn Xuân H đang sử dụng diện tích 5.496 m² đất tiêu chuẩn 115; 990 của 17 hộ tư nhân đã chứng minh được nguồn gốc để xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ (trong đó có 3 hộ đã tự thỏa thuận, hoàn thiện hồ sơ và nhận kinh phí bồi thường; 14 hộ chưa thống nhất nên đã khởi kiện thành vụ án dân sự). Diện tích còn lại bị thu hồi là 3.076 m², trong đó có 2.068 m² cần chứng minh nguồn gốc để được xây dựng phương

án bồi thường, hỗ trợ; 1.008m² đất thủy lợi không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Ông H đề nghị được bồi thường hỗ trợ theo quy định với diện tích 3.136 m² là không có cơ sở.

Về tài sản, vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên đất: hộ ông Nguyễn Xuân H đã được phê duyệt tại 4 phương án với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.571.907.808 đồng, cụ thể như sau: tại Quyết định số 8416/QĐ-UBND ngày 28-12-2017 (phương án lần 3) số 14 trong danh sách số tiền: 1.547.695.336 đồng, nhận tiền tại phiếu chi ngày 30-01-2018; tại Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 27-4-2018 (phương án bổ sung 65 hộ) số 41 trong danh sách số tiền 3.849.140 đồng, nhận tiền tại phiếu chi ngày 04-5-2018; tại Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 21-5-2018 (phương án bổ sung lần 3) số 50 trong danh sách số tiền 1.963.332 đồng, nhận tiền tại phiếu chi ngày 24-5-2018; tại Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 09-7-2018 (phương án hỗ trợ máy móc) số 35 trong danh sách số tiền 18.400.000 đồng, nhận tiền tại phiếu chi ngày 19-7-2018.

Hộ ông Nguyễn Xuân H đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt nhưng không tự tháo dỡ để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Y phối hợp với UBND xã X tuyên truyền, vận động nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Ngày 27-7-2018, UBND huyện Y ban hành Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc cưỡng chế giải tỏa tài sản trên đất đối với hộ ông Nguyễn Xuân H. Ngày 11-8-2018, gia đình ông Nguyễn Xuân H đồng ý tự nguyện thu dọn tài sản trên đất, bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

UBND huyện Y đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H.

Quan điểm của UBND xã X: thực hiện thông báo số 46/TB-UBND ngày 04-9-2015 của UBND huyện Y về việc thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng phục vụ dự án khu Trung tâm đón tiếp nghỉ dưỡng (đợt 7), UBND xã X phối hợp với Ban giải phóng mặt bằng huyện Y (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất) cùng gia đình ông H kiểm kê thực địa trên toàn bộ diện tích đất của hộ ông H đang sản xuất, thực hiện đúng quy trình, công khai số liệu và giá trị bồi thường hỗ trợ, gia đình ông H đều nhất trí; phân loại xác định nguồn gốc sử dụng đất của từng trang trại để lên phương án đền bù, hỗ trợ về đất, đảm bảo đúng quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H.

Quan điểm của bà Phạm Thị C (vợ ông H) nhất trí với quan điểm của ông Nguyễn Xuân H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện khẳng định đã nhận được quyết định cưỡng chế theo quy định, nên rút một phần yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y không giao quyết định cưỡng chế và đề nghị buộc UBND huyện Y bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H diện tích đất bị thu hồi là 3.136 m², với giá 165.000 đồng/m² (trong đó, bồi thường về đất:

50.000 đồng/m²; hỗ trợ đời sống: 15.000 đồng/m²; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 100.000 đồng/m²), tương ứng 517.440.000 đồng, đồng thời buộc UBND huyện Y phải ban hành và giao quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với diện tích 3.136 m² đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H theo quy định.

Tại Bản án số 01/2020/HC-ST ngày 13-02-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Z đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 115; Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; điểm b khoản 2 Điều 62; khoản 2 Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69; Điều 70; Điều 71; Điều 74; khoản 1 Điều 75; Điều 79; Điều 83 và Điều 90 của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14-11-2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất; quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc buộc Chủ tịch UBND huyện Y phải giao quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn Xuân H.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện Y, tỉnh Z phải bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H diện tích đất bị thu hồi là 3.136 m², với giá 165.000 đồng/m² (trong đó, bồi thường về đất: 50.000 đồng/m²; hỗ trợ đời sống: 15.000 đồng/m²; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 100.000 đồng/m²), tương ứng 517.440.000 đồng; bác yêu cầu buộc UBND huyện Y phải ban hành và giao quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với diện tích 3.136 m² đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H theo quy định.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18-02-2020, ông Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện kháng cáo và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H là đúng; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Z theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: ngày 30-7-2018, ông H nhận được quyết định cưỡng chế, giải tỏa tài sản trên đất của Chủ tịch UBND huyện Y đối với hộ ông H. Ngày 23-7-2019, ông H nộp đơn khởi kiện vụ án liên quan quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông, là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung khởi kiện: tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Y liên quan đến việc giao quyết định cưỡng chế cho hộ ông H; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về phần này của người khởi kiện là có căn cứ.

[3]. Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị buộc UBND huyện Y bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H diện tích đất bị thu hồi là 3.136 m², với giá 165.000 đồng/m² (trong đó, bồi thường về đất: 50.000 đồng/m²; hỗ trợ đời sống: 15.000 đồng/m²; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: 100.000 đồng/m²), tương ứng 517.440.000 đồng, đồng thời buộc UBND huyện Y phải ban hành và giao quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với diện tích 3.136 m² đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân H, xét thấy:

Theo Hợp đồng thuê khoán ngày 15-4-1997, gia đình ông H được UBND xã X giao 7.020 m² đất để làm trang trại - mô hình V.A.C. Ngày 11-3-2010, UBND xã X, HTX chăn nuôi thủy sản và gia đình ông H đã ký kết biên bản giao đất, thống nhất thanh lý hợp đồng ngày 15-4-1997 giữa UBND xã X và hộ ông H, đồng thời giao cho ông H được quyền sử dụng đất 115 (của các hộ dân trả xóm, đội) diện tích 7.020 m² thuộc các thửa số 85, 86 và 87 tờ bản đồ số 6, bản đồ năm 1990 tại xứ V. Năm 2015, thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để xây dựng Khu đón tiếp thuộc dự án Khu du lịch T, huyện Y. Theo trích đo hiện trạng của thửa đất bị thu hồi thì hộ ông H đang sử dụng đất tại tờ bản đồ số 14, thửa số 7, với tổng diện tích là 8.572 m². So với Hợp đồng thuê khoán năm 2010, tăng 1.552 m². Diện tích đất của hộ ông H bị thu hồi đã được Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã X dựa trên hồ sơ địa chính của xã và kết quả phân loại đất đã xác định 5.496 m² là của 17 hộ tư nhân đã chứng minh được nguồn gốc và xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ. Sau đó, UBND huyện Y phê duyệt phương án bồi thường tại các Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 09-3-2018 (phương án lần 5); Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 05-5-2018 (Phương án lần 6); Quyết định số

8809/QĐ-UBND ngày 06-12-2018 (Phương án lần 8) với tổng số tiền 906.840.000 đồng. Đối với phần diện tích còn lại là $8.572 \text{ m}^2 - 5.496 \text{ m}^2 = 3.076 \text{ m}^2$ bị thu hồi, trong đó có 1.008 m^2 đất giao thông, thủy lợi do UBND xã quản lý, ông H cải tạo, sử dụng không được bồi thường, hỗ trợ và 2.068 m^2 đất 115, ông H sử dụng trên cơ sở hợp đồng kinh tế giao khoán của UBND xã, nay hộ ông H không xuất trình được hồ sơ pháp lý chứng minh diện tích này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông (do nhận chuyển nhượng, được tặng cho hoặc được giao theo tiêu chuẩn ...) theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 nên không được Nhà nước bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật đất đai năm 2013. Việc ông H xác định diện tích đất bị thu hồi phải là 3.136 m^2 là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp; do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu của ông H về việc buộc UBND huyện Y bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích 3.076 m^2 (không phải 3.136 m^2) đất với tổng số tiền là 517.440.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu buộc UBND huyện Y giao các quyết định thu hồi đất, phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của gia đình ông H thì thấy: như phân tích trên diện tích 3.076 m^2 đất nêu trên không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông H, nên khi thu hồi các cơ quan có thẩm quyền của huyện Y không ban hành quyết định thu hồi, phương án bồi thường đối với diện tích đất này cho hộ ông H là đúng pháp luật.

[5]. Đối với tài sản, vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên đất đã thu hồi trong trang trại của gia đình ông H, UBND huyện đã kiểm đếm và xây dựng phương án bồi thường cho gia đình đầy đủ, đúng quy định; hộ ông H đã nhận đủ tiền theo phương án và không khởi kiện về phần này.

Như vậy, UBND huyện Y ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Chủ tịch UBND huyện Y ban hành quyết định cưỡng chế giải tỏa tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất để thực hiện quyết định thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69, các Điều 70, 71, 74, khoản 1 Điều 75, 79, 83, Điều 90 của Luật đất đai 2013 và các Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 12/9/2014, Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND tỉnh Z, Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Z quy định thủ tục cưỡng chế thu hồi đất.

Với các lý do trên, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân H là đúng; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H.

[6]. Về án phí: kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bác kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H và giữ nguyên quyết định của Bản án số 01/2020/HC-ST ngày 13-02-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

2. Ông Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận ông H đã nộp số tiền này vào ngày 02-3-2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Z.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn

Nguyễn Phương Hạnh

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THA dân sự tỉnh Z;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVÀ, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phách

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

Nguyễn Tất Nam

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phách

Vũ Mạnh Hùng

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phách

Vũ Mạnh Hùng

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

**CÁC THẨM PHÁN
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Xuân Hùng

Đặng Bảo Vĩnh

Nguyễn Tất Nam